

LỌC CÁT



LỌC CÁT

N.P.T GROUP NHAN PHONG THAI CO., LTD.

161/28/21 Binh Tri Dong Street, Binh Tan District, HCMC.

Tel: + 84 8 54072938 Fax: + 84 8 62601256

Email: sales@npt-group.com, engineering@npt-group.com

Giới thiệu:

Bồn lọc cát trọng lực và lọc cát áp lực của chúng tôi với chất lượng tối ưu là luôn sẵn có với nhiều kích cỡ và vật liệu khác nhau. Bồn lọc cát của chúng tôi được vận hành tốt bằng tay cũng như tự động. Chúng được thiết kế và cải tiến nhằm loại bỏ những tạp chất gây đục và cặn bẩn lơ lửng có trong nguồn nước đầu vào với độ sụt áp nhỏ nhất. Vật liệu lọc gồm có nhiều lớp cát với kích cỡ và trọng lượng riêng khác nhau.

Nguyên lý làm việc:

Bên trong lọc cát, nước đi vào bồn lọc và thấm qua lớp lọc. Vật chất lơ lửng có trong nước sẽ tiếp xúc với vật liệu lọc và được giữ lại ở trên cùng của lớp lọc. Theo cách này, nước sạch sẽ đi qua giàn lỗ lọc và ra ngoài. Chu kỳ làm sạch vật liệu lọc chính là quá trình rửa ngược. Nước được đưa vào theo hướng ngược lại với quá trình lọc, tức là từ lỗ thoát hướng lên trên những chỗ gây ra sự tích tụ thành lớp dày trên lớp vật liệu lọc và cuối cùng được sục rửa sạch rồi thoát ra ngoài qua van rửa ngược. Bồn lọc sau đó được rửa sạch và nước sạch được cấp vào hệ thống.

Vật liệu lọc:

Vật liệu lọc sử dụng phụ thuộc vào chất lượng nước thô ban đầu và chất lượng nước yêu cầu sau khi xử lý. Dãy gồm hệ thống 7 lớp vật liệu lọc được thay đổi nhằm đạt được độ đục của nước nhỏ hơn 1 NTU và chất rắn lơ lửng nhỏ hơn 10 ppm. Lớp vật liệu lọc gồm có các lớp với cỡ hạt khác nhau bắt đầu từ lớp Sỏi 30 – 40 mm đến lớp cuối cùng là cát mịn 0.8 – 1.6 mm.



Vật liệu kích thước trung bình



Vật liệu kích thước nhỏ

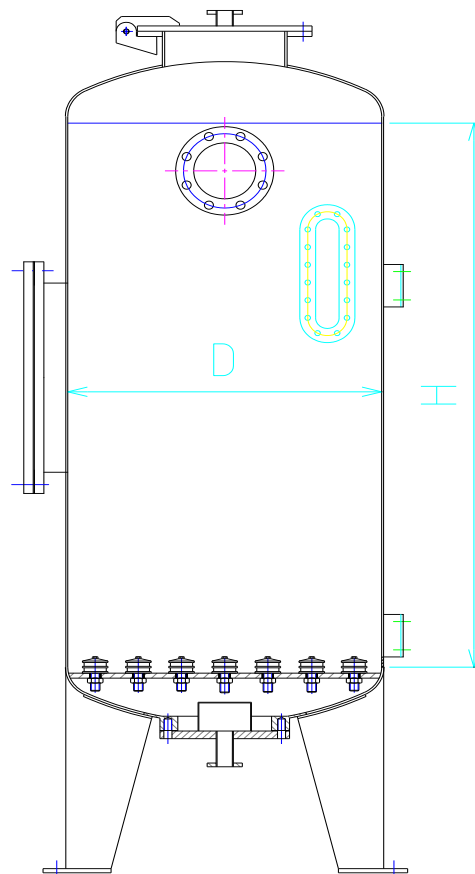
Ứng dụng:

- Tiền xử lý cho tất cả các dạng nước thải công nghiệp.
- Xử lý nước sạch.
- Trạm xử lý nước thải.
- Xử lý nước làm mát.
- Xử lý nước giếng.

Thuận lợi:

- Dễ dàng vận hành
- Ít bảo trì
- Chất lượng tốt hơn đối với lưu lượng cao.
- Độ sụt áp không đáng kể

Kích thước:



Lọc cát làm bằng thép mềm/ Inox (304/316)

Bảng thông số kỹ thuật

Model	Lưu lượng (m3/giờ)	Đường kính D(mm)
SF -800	5	800
SF-1200	12	1200
SF-1400	15	1400
SF-1800	20	1800
SF-2000	32	2000
SF-2200	38	2200
SF-2600	53	2600
SF-2800	62	2800
SF-3000	72	3000